

Bản án số: 33/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 18/01/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Thành viên Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Triệu Thúy Hà
- Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Hoàng Thị An
2/ Ông Nguyễn Hữu Đức

- Thư ký phiên tòa: Ông **Hoàng Minh Anh** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh - Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Doãn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 18/01/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 708/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2022 về việc “ Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 03/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13/01/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Anh T, sinh năm 1961

Nơi cư trú: Tổ 19 thị trấn Đông A, huyện Đông A, Hà N.

Bị đơn: Bà Trần Thị Kim N, sinh năm

Nơi cư trú: Tổ 20 thị trấn Đông A, huyện Đông A, Hà N.

Ông T có đơn xin xét xử vắng mặt, bà N vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Anh T trình bày:

Về tình cảm: Ông T kết hôn với bà Trần Thị Kim N tự nguyện, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Đông A, Huyện Đông A, Hà N ngày 07/4/1992. Sau khi kết hôn ông bà chuyển về sống tại tổ 20 thị trấn Đông A, Đông A, Hà N. Năm 2013, ông bà xảy ra mâu thuẫn. Mâu thuẫn trầm trọng đến năm 2015, ông T đã chuyển về sống tại tổ 19 thị trấn Đông A, Đông A, Hà

N và ly thân với bà N từ đó đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn của ông bà do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, bà N thường xuyên mạt sát tôi, không tôn trọng ông. Bà N hay nhảm nhí cho ông và đồng nghiệp của ông để nói xấu, bôi nhọ danh dự của ông. Từ năm 2015 đến nay ông chỉ gặp bà N vài lần trong đám tang của bố mẹ ông. Ông T xác định tình cảm không còn, đề nghị Tòa án cho ông được ly hôn với bà N.

Về con chung: Ông T và bà N sinh được 02 con chung là Nguyễn Việt A, sinh ngày 23/12/1996 và Nguyễn Minh T, sinh ngày 09/11/1992. Hiện nay cả 2 con chung đều đã thành niên.

Về tài sản chung, nợ chung: ông T không không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về án phí ông T xin chịu cả.

Bị đơn bà Trần Thị Kim N từ chối không cung cấp ý kiến vì vậy cán bộ Tòa án không ghi được ý kiến của bà N.

Tại phiên tòa: Do bà N vắng mặt ở phiên tòa, ông T có đơn xin xét xử vắng mặt. Chủ tọa phiên tòa công bố lời khai, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh phát biểu quan điểm:

-Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật

-Về nội dung đề nghị hội đồng xét xử:

+ Về tình cảm: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T

+Về con: Ông T, bà N có 02 con chung là Nguyễn Việt a, sinh ngày 23/12/1996 và Nguyễn Minh T, sinh ngày 09/11/1992. Hiện nay cả 2 con chung của ông bà đều đã thành niên nên không giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không giải quyết trong vụ án này. Bà N không có yêu cầu về chia tài sản chung gửi đến Tòa án. Ông T bà N có quyền khởi kiện chia tài sản chung trong vụ án khác.

+ Về án phí: Ông T chịu án phí không có giá ngạch

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa . Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Ông Nguyễn Anh T và bà Trần Thị Kim N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đông A, huyện Đông A, Hà N. Giấy đăng ký kết hôn số 29 ngày 07/4/1992. Tòa án xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Ông T xin ly hôn bà N, căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ

luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định quan hệ pháp luật “Ly hôn”. Ông T, bà N đều cư trú tại huyện Đông A, Hà N. Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 39 bộ luật tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Đông Anh.

[2] Về tố tụng: Căn cứ Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp pháp luật.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà N, ông T kết hôn tự nguyện và hợp pháp. Ông T, bà N có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Đông A, huyện Đông A, Hà N ngày 07/4/1992. Sau khi kết hôn 2 ông bà chuyển về sống tại tổ 20 thị trấn Đông A, Hà N đến năm 2015 ông T chuyển về sống tại tổ 19 thị trấn Đông A. Ông T, bà N ly thân từ năm 2015 đến nay.

Do không có lời khai của bà N nên Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của ông N và kết quả xác minh tại địa phương xác định: Ông T và bà N có mâu thuẫn từ năm 2013, nguyên nhân mâu thuẫn do 2 vợ chồng bất đồng quan điểm, vợ chồng nặng lời cãi vã nhau. Bà N không tôn trọng ông T trong cuộc sống, trong mối quan hệ gia đình, bè bạn. Vợ chồng ông T và bà N không sống cùng nhau đã 10 năm. Bà N sống ở tổ 20 với 2 con, ông T sống ở tổ 19 với bố mẹ. Hai ông bà mỗi người sống một nơi, địa phương, không rõ nguyên nhân mâu thuẫn.. Bà N sống khép kín, ít giao thiệp, ít khi thấy ra ngoài.

Xét thấy, lời khai của đương sự phù hợp với các tài liệu chứng cứ mà Tòa án thu thập được có căn cứ xác định ông T và bà N có mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn tình cảm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông T yêu cầu ly hôn là có căn cứ, được chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Ông T và bà N có 02 con chung là anh Nguyễn Việt A, sinh ngày 23/12/1996 và anh Nguyễn Minh T, sinh ngày 09/11/1992. Tòa án không giải quyết do các con chung của ông bà đã thành niên.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này, bà N không có yêu cầu, đề nghị chia tài sản chung nên Tòa án không xem xét. Ông T bà N có quyền khởi kiện chia tài sản chung bằng một vụ án khác khi có yêu cầu và có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Ông T phải chịu án phí không có giá ngạch.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự đều có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án cùng danh mục kèm theo.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông Nguyễn Anh T với bà Trần Thị Kim N. Ông Nguyễn Anh T được ly hôn với bà Trần Thị Kim N.

2. Về con chung: Ông Nguyễn Anh T và bà Trần Thị Kim N có 02 con chung là Nguyễn Việt anh, sinh ngày 23/12/1996 và Nguyễn Minh Thắng, sinh ngày 09/11/1992. Các con chung đều đã thành niên, Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông T, bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án không giải quyết về tài sản chung, nợ chung trong vụ án này. Dành quyền khởi kiện cho các đương sự về việc chia tài sản chung khi có yêu cầu.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Anh T phải chịu án phí 300.000 đồng được trừ vào 300.000 đồng tiền án phí ông Nguyễn Anh T đã nộp tại chi cục thi hành án Dân sự huyện Đông Anh theo biên lai số AA/2020/0047196 ngày 21/10/2022. Ông T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Ông T, bà N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đông Anh.
- UBND thị trấn Đông Anh, Hà Nội
- TAND Thành phố Hà Nội
- Chi cục THADS huyện Đông Anh.
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Triệu Thúy Hà